

Bản án số: 77/2025/HS-ST
Ngày: 28 - 11 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - NINH BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đinh Thành Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quốc Định - Nguyên Hiệu trưởng Trường tiểu học xã Đức Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam (nay là xã Nam Xang, tỉnh Ninh Bình) và ông Nguyễn Duy Phong - Phó hiệu trưởng Trường Trung học cơ sở xã Vĩnh Trụ, tỉnh Ninh Bình.

- **Thư ký phiên toà:** Ông Phạm Thành Trung - Thẩm tra viên Toà án nhân khu vực 6 - Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình tham gia phiên toà:** Ông Nguyễn Văn Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 56/2025/TLST-HS ngày 24 tháng 10 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2025/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 11 năm 2025, đối với bị cáo:

Nguyễn Quang N, sinh ngày 28/02/2007 tại tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Thôn A, xã B, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Quang H và bà Hà Thị Q; vợ, con: Chưa; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 15/8/2025 đến ngày 24/8/2025 hủy bỏ tạm giữ, áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” từ ngày 24/8/2025 đến nay; có mặt.

- **Bị hại:** Cháu Lê Tự T, sinh ngày 05/5/2008; Người đại diện hợp pháp của cháu Lê Tự T: Ông Lê Tự Q1, sinh ngày 1983; cùng cư trú: Thôn A, xã B, tỉnh Ninh Bình; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Trần Văn T1, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn 6 T, xã N, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

+ Chị Trần Văn A, sinh năm 1997; nơi cư trú: Thôn 6 T, xã N, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

+ Bà Hà Thị Q, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn A, xã B, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

+ *Người làm chứng:*

1. Anh Phạm Minh K; vắng mặt.

2. Anh Lê Gia B; vắng mặt.

3. Chị Trần Thị H1; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút, ngày 10/8/2025, Nguyễn Quang N đi đến khu vực nhà thờ thuộc thôn A, xã B, tỉnh Ninh Bình đón cháu Lê Tự T, sinh ngày 05/5/2008 để cùng nhau đi bơi cùng cháu Phạm Minh K; cháu Lê Gia B và cháu Phạm Hữu N1 tại bể bơi P thuộc thôn 7, xã B, tỉnh Ninh Bình. Khi gặp nhau, N mở khóa yên xe của mình ra và hỏi cháu T: “*Có bỏ điện thoại vào trong cốp không*”, thì cháu T tự lật yên xe mô tô của N lên rồi bỏ chiếc điện thoại di động của mình nhãn hiệu Iphone 14 plus, màu trắng, trong máy không lắp sim, vào trong cốp xe. Sau đó N đưa chìa khóa xe mô tô cho cháu T điều khiển rồi tất cả cùng nhau đi đến bể bơi P. Đến bể bơi Phương L, cháu T để xe mô tô của N ở khu vực đầu hồi phòng bán vé, rồi đưa trả chìa khóa xe cho N, sau đó cháu T cùng các bạn đi mua vé bơi, còn N đứng một mình ở khu vực để xe thì nảy sinh ý định lấy trộm chiếc điện thoại của cháu T đang để trong cốp xe mô tô của mình bán lấy tiền tiêu xài, nên đi đến xe mô tô của mình, mở khóa yên lấy chiếc điện thoại của T giấu vào vị trí khác ở khe bên trái dưới yên xe phía ngoài có ốp nhựa che nhằm để cháu T không phát hiện thấy điện thoại của mình. Thực hiện xong hành vi, N đi vào gặp cháu N1 hỏi mượn xe để đi đón bạn đến bơi cùng thì cháu N1 đồng ý và đưa chìa khóa xe cho N điều khiển đi, khoảng 15 phút sau N quay lại bể bơi Phương L. N bỏ chiếc điện thoại di động của mình xuống dưới yên xe của N1, rồi đi xuống bơi cùng mọi người. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, tất cả mọi người đi về, cháu T điều khiển xe chở N về đến nhà bà ngoại của cháu T, cháu T xuống xe định đi vào trong nhà bà thì N nói “*Không lấy điện thoại à*”, cháu T trả lời: “*Có chứ*” rồi quay lại. N mở khóa yên, lật lên thì cả hai không nhìn thấy điện thoại của cháu T đâu, N hỏi: “*Thế điện thoại đâu, mày cầm rồi à?*”, cháu T trả lời: “*Không*” rồi hỏi lại: “*Hay là mày treo tao giấu đi*”, N trả lời: “*Không*”. Cháu T hỏi tiếp: “*Hay là có để quên trong xe của N1 không?*”, N trả lời: “*Không biết nữa, đi tìm bọn nó*

xem”. Lập tức, cháu T và N đi đến nhà cháu N1 thì gặp cháu N1, cháu K đang đứng ở trước cổng mở cốp xe ra để lấy đồ. N, T cùng hỏi nội dung điện thoại của cháu T có để trong cốp xe của N1 hay không, cháu N1 trả lời không biết nữa, các anh xem xem. N lấy điện thoại của mình đang để trong cốp xe của cháu N1. Không thấy có điện thoại của T thì cháu K nói: “*Chỗ để xe có Cam*”. Sau đó cháu T điều khiển xe mô tô của mình chở N quay lại bể bơi Phương L vào gặp chị Trần Thị H1 là quản lý bể bơi Phương L. N và cháu T hỏi chị H1 nội dung muốn xem lại Cam, thì chị H1 trả lời chỗ để xe không có Cam. Cháu T điều khiển xe chở N về nhà và đi về nhà mình. Sau khi về đến nhà N lấy chiếc điện thoại đã lấy của T cất vào trong phòng ngủ của mình. Đến khoảng 18 giờ ngày 11/8/2025, N mang chiếc điện thoại đã lấy của T trước đó đến cửa hàng mua bán điện thoại “Bách Đại” ở thôn 6 T, xã N, tỉnh Ninh Bình, gặp anh Trần Văn T1 là chủ quán. N đưa chiếc điện thoại cho anh T1 và nói muốn bán chiếc điện thoại này với giá 6.000.000 đồng, anh T1 cầm điện thoại xem rồi bảo chỉ được 5.000.000 đồng rồi đưa lại điện thoại cho N. N không đồng ý bán giá đó nên cầm điện thoại đi về nhà. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, N điều khiển xe mô tô biển số 18B2-372.17 mang chiếc điện thoại của T quay lại cửa hàng mua bán điện thoại “Bách Đại” thì gặp chị Trần Văn A, (là vợ của Trần Văn T1). N đưa chiếc điện thoại cho chị Trần Văn A và nói muốn bán. Chị Trần Văn A đồng ý mua chiếc điện thoại này của N với giá tiền là: 5.200.000 đồng. Sau khi thỏa thuận mua bán xong, N nhận số tiền bán điện thoại và tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 15/8/2025, anh Lê Tự T đến Công an xã B trình báo, nội dung việc bị mất trộm điện thoại vào ngày 10/8/2025 tại bể bơi Phương L thuộc thôn 7, xã B, tỉnh Ninh Bình.

Ngày 15/8/2025, Nguyễn Quang N đến Công an xã B đầu thú, khai nhận hành vi trộm cắp chiếc điện thoại của anh Lê Tự T.

Ngày 15/8/2025 anh Trần Văn T1 chủ cửa hàng điện thoại “Bách Đại” tự nguyện giao nộp: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Plus, anh khai nhận vợ anh là Trần Văn A đã mua của Nguyễn Quang N với giá 5.200.000 đồng vào ngày 11/8/2025.

Bà Hà Thị Q, (là mẹ đẻ của Nguyễn Quang N): 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER, biển số 18B2-372.17; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 127642, mang tên Phạm Văn T2, biển số đăng ký: 18B2-372.17, xe đã cũ qua sử dụng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 94/KL-HĐĐGTS ngày 21/8/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự tỉnh Ninh Bình kết luận: “*Trị giá của chiếc điện thoại Iphone 14 Plus, loại 128GB*” là 5.733.333 đồng.

* Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, xác định 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 plus, màu trắng, trong máy không lắp sim, (điện thoại cũ đã qua sử dụng) là tài sản hợp pháp của cháu Lê Tự T; 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER, biển số 18B2-372.17; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Phạm Văn T2 là tài sản hợp pháp của bà Hà Thị Q (mẹ đẻ của N, mua năm 2023), khi N sử dụng chiếc xe này thực hiện hành vi phạm tội thì bà Q không biết, do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh N đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc điện thoại và chiếc xe mô tô cùng giấy chứng nhận đăng ký xe cho chủ sở hữu hợp pháp theo quy định.

* Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận lại tài sản bị trộm cắp, anh Lê Tự T và người đại diện hợp pháp của anh T không có yêu cầu, đề nghị gì khác; bà Hà Thị Q là mẹ của bị can N đã tự nguyện trả lại số tiền 5.200.000 đồng cho chị Trần Vân A là người đã mua chiếc điện thoại của N. Sau khi nhận tiền chị Vân A không còn yêu cầu gì khác.

Quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Quang N đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại bản cáo trạng số 10/CT-VKS-KV6 ngày 23/10/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình, truy tố Nguyễn Quang N về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Quang N từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng. Rút một phần Cáo trạng truy tố bị cáo Nguyễn Quang N theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đưa ra quan điểm về xử lý vật chứng và tuyên án phí đối với bị cáo.

- Bị cáo Nguyễn Quang N nhận hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình đã truy tố; không có ý kiến tranh luận, bào chữa hay khiếu nại gì và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà Hà Thị Q) trình bày: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER, biển số 18B2-372.17; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Phạm Văn T2 là tài sản hợp pháp của bà Hà Thị Q (mẹ đẻ của N, mua năm 2023). Khi bị cáo Nguyễn Quang N sử dụng chiếc xe này thực hiện hành vi phạm tội thì bà Q không biết. Nay bà Hà Thị Q đã nhận lại chiếc xe này nên không có ý kiến gì khác. Ngoài ra, bà Hà Thị Q đã dùng tiền của

mình (số tiền 5.200.000 đồng) để chuộc lại chiếc điện thoại để trả lại cho bị hại, nay bà Q không yêu cầu bị cáo phải trả lại cho bà số tiền này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, khách quan.

[2] Đối với người tham gia tố tụng là bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (anh Trần Văn T1 và chị Trần Văn A); người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai của những người này, được cơ quan điều tra tiến hành lấy lời khai theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[3] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng thu được, kết luận định giá và các tài liệu, chứng cứ khác lưu trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 15 giờ ngày 10/8/2025, tại bãi bơi Phương L thuộc thôn 6, xã B, tỉnh Ninh Bình; lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản, Nguyễn Quang N đã lén lút trộm cắp 01 chiếc điện thoại Iphone 14 Plus có trị giá là 5.733.333 (*năm triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba*) đồng của anh Lê Tự T.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Quang N đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình truy tố bị cáo là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Quang N có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Quang N không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, đồng thời tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải trước pháp luật và bị hại, mong muốn được sửa chữa lỗi lầm; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội bị cáo đã tự giác đến Công an xã B đầu thú; bị cáo đã nhờ gia đình bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; được bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo - Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt:

- Về hình phạt chính: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu tới trật tự trị an trên địa bàn, gây tâm lý hoang mang lo lắng của nhân dân trong việc quản lý tài sản. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục, phòng ngừa tội phạm.

Trên cơ sở đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Nguyễn Quang N, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo có nhân thân tốt (không có tiền án, tiền sự), có nơi cư trú rõ ràng và được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có biểu hiện vi phạm pháp luật mới, có khả năng cải tạo nên không cần thiết phải cách ly bị cáo với xã hội, mà chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người tốt, không làm ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm chung như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, đảm bảo đúng quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018, Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tạo cơ hội cho bị cáo tự rèn luyện, sửa chữa và thấy được chính sách nhân đạo của Nhà nước đối với người phạm tội biết ăn năn hối cải và có hoàn cảnh như bị cáo.

- Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Nguyễn Quang N không có tài sản và thu nhập không ổn định. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố đã rút một phần Cáo trạng truy tố đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự. Xét thấy, việc rút một phần Cáo trạng của Viện kiểm sát, cũng như điều kiện hoàn cảnh thực tế của bị cáo nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Quang N theo quy định tại Điều 35 và khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường cũng như trả lại số tiền đã bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được thực hiện theo quy định của pháp luật.

[9] Về các vấn đề khác: Đối với chị Trần Văn A là người mua chiếc điện thoại Iphone 14 plus vào ngày 11/8/2025. Quá trình trao đổi mua bán chiếc điện thoại với bị cáo Nguyễn Quang N, chị A không biết đây là tài sản do N phạm tội mà có. Mặt khác bị cáo Nguyễn Quang N cũng không nói rõ về nguồn gốc chiếc điện thoại di động trên. Do đó cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh N không có căn cứ để xem xét đối với chị Trần Văn A về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Quang N phạm tội *“Trộm cắp tài sản”*.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Quang N 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 (hai mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Quang N cho Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Nguyễn Quang N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- TAND Tối Cao (Vụ GDKT I);
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình
- VKSND khu vực 6 - tỉnh Ninh Bình;
- Cơ quan CSĐT, Cơ quan THA
- hình sự - CA tỉnh Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- Bị cáo; Bị hại và người đại diện; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ + Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Đình Thành Nam